

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TỈNH KHÁNH HÒA**

*Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST*

*Ngày: 05/01/2024.*

*V/v tranh chấp: “Ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Viên**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Lý**

**Ông Mai Văn Thuận**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Đinh Thị Bích H** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 906/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Đỗ Thị Lệ X** - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: **Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa**. Có mặt.

**Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn Quốc B** - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: **I T (số M T), phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn – Bà **Đỗ Thị Lệ X** trình bày:* Bà **X** và ông **Nguyễn Văn Quốc B** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/01/2015.

Sau khi kết hôn, quá trình chung sống giữa bà **X** và ông **B** thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống khiến cho tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó, bà **X** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **B**.

Về con chung: Bà **X** và ông **Nguyễn Văn Quốc B** có một con chung là **Nguyễn Đỗ Phúc An s** ngày 27/8/2015. Bà **X** đề nghị được trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – ông Nguyễn Văn Quốc B trình bày: Ông B và bà Đỗ Thị Lệ X tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/01/2015.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của ông bà vẫn hạnh phúc. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, cuộc sống gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể nên ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà X.

Về con chung: Ông B và bà Đỗ Thị Lệ X có một con chung là Nguyễn Đỗ Phúc An s ngày 27/8/2015. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X, ông B đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà X được trực tiếp nuôi con chung, ông B sẽ cấp dưỡng nuôi cháu A 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Thị Lệ X được ly hôn với ông Nguyễn Văn Quốc B; giao con chung Nguyễn Đỗ Phúc An s ngày 27/8/2015 cho bà X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông B cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng từ tháng 12/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; các đương sự chịu án phí theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1]. Về thủ tục tố tụng:

##### [1.1] Quan hệ pháp luật:

Bà Đỗ Thị Lệ X khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Quốc B nên tranh chấp giữa bà X và ông B là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

##### [1.2]. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Quốc B sinh sống tại I T (số mới 250 T), phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của nhân dân thành phố N.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Bà **Đỗ Thị Lệ X** xác định, bà và ông **Nguyễn Văn Quốc B** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 10/01/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà **X** cho rằng, quá trình chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà **X** đã cho ông **B** cơ hội để sửa sai nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà **X** không thể tiếp tục chung sống với ông **B**. Ông **B** không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn giữa ông bà không quá nghiêm trọng. Tuy nhiên, ông **B** cũng thừa nhận, kể từ sau dịch Covid 19, do khó khăn về kinh tế nên ông bà có xảy ra mâu thuẫn; bà **X** chuyển trường cho con và đưa con về ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà **X** và ông **B** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà **X** là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà **X** được ly hôn ông **B**.

**[3]. Về con chung:** Bà **Đỗ Thị Lệ X**, ông **Nguyễn Văn Quốc B** có một con chung là **Nguyễn Đỗ Phúc An s** ngày 27/8/2015. Bà **X**, ông **B** đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhưng cháu **Nguyễn Đỗ Phúc A1** đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **X**, giao con chung **Nguyễn Đỗ Phúc An s** ngày 27/8/2015 cho bà **X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của ông **B** về việc cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 01/2024 đến khi cháu **A1** tròn 18 tuổi.

**[4]. Tài sản chung và nợ chung:** Bà **Đỗ Thị Lệ X**, ông **Nguyễn Văn Quốc B** xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[5]. Về án phí:** Bà **Đỗ Thị Lệ X** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đỗ Thị Lệ X** được ly hôn ông **Nguyễn Văn Quốc B**.

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Đỗ Phúc An s** ngày 27/8/2015 cho bà **Đỗ Thị Lệ X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông **Nguyễn Văn Quốc B** cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng (*ba triệu đồng một tháng*), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Đỗ Thị Lệ X** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000027 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà **X** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông **Nguyễn Văn Quốc B** phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày công bố bản án.*

**Nơi nhân:**

- TAND T. Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND P. Vĩnh Trường, TP. Nha Trang;
- T. Khánh Hòa (số 07, ngày 10/01/2015);
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nguyễn Lê Viên**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

